TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:105/2020/HS-ST
Ngày 26/11/ 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đương – Bà Lê Thị Sử

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 97/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Cảnh T;** Sinh ngày: 22/3/1985; Nơi ĐKNKTT: Khối A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông: Nguyễn Cảnh H và bà Phạm Thị L; Vợ: Hoàng Thị H; Con: Có 2 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 24/4/2013, Nguyễn Cảnh T bị công an phường Đội Cung, thành phố Vinh xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi đánh bạc; Bị tạm giữ từ ngày 23/8/2020 đến ngày 01/9/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đặng Quang C, sinh ngày 15/5/1994 – vắng mặt

Địa chỉ: xóm L, xã L, huyện Đ, tỉnh N

2. Anh Nguyễn Doãn T, sinh ngày 06/9/1986 – vắng mặt

Địa chỉ: xóm A, xã T, huyện Đ, tỉnh N.

3. Chị Phạm Thị H, sinh ngày 01/8/1970 – vắng mặt

Địa chỉ: xóm L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh N

4. Chị Cao Thị M, sinh ngày 02/5/1970– vắng mặt

Địa chỉ: xóm M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 10/02/2020 đến ngày 23/8/2020, Nguyễn Cảnh T, sinh năm 1985, trú tại khối 2, Thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương đã thực hiện hành vi "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* với các cá nhân cụ thể như sau:

- Các giao dịch (vay và trả tiền) giữa Nguyễn Cảnh T với Đặng Quang C, sinh ngày 15/5/1994, trú tại xóm L, xã L, huyện Đ, tỉnh N

Lần thứ nhất: Ngày 10/02/2020, C đến nH của T tại khối 2, thị trấn Đô Lương gặp và vay T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) với thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng (năm nghìn đồng)/triệu/ngày và tính tròn 01 tháng = 30 ngày thì lãi suất T đã cho vay là: 180%/1 năm {= (5.000đ : 1000.000đ x 100%) x 30 ngày x 12 tháng)}, vượt mức lãi suất cao nhất quy định theo Bộ luật dân sự là 9 lần (=180% x 1 : 20%).). Khi vay, T yêu cầu C viết giấy nhận cọc để bán nước bò húc trong sổ của T (nhưng thực tế, không có việc nhận cọc bán bò húc mà đây là giấy vay tiền trá hình). Ngay sau khi cho vay, T cắt lãi 01 (một) tháng đầu của C với số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) nên C chỉ nhận về số tiền 25.500.000đ (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) và sang tháng 4/2020 C trả thêm 1 tháng lãi nữa. Như vậy, đối với khoản vay 30 triệu đồng từ ngày 10/02/2020 đến 10/4/2020 số tiền lãi T đã thu từ anh C: 9.000.000đ (=30.000.000đ x 180% : 12 tháng x 2 tháng). Trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định là: 1.000.000đ {= (30.000.000đ x 20% : 12 tháng) x 2 tháng)), còn lại số tiền 8.000.000đ (=9.000.000 đ – 1.000.000đ) là số tiền thu lợi bất chính của tháng 3, 4/2020.

Lần thứ hai: Ngày 10/4/2020, cùng cách thức và thỏa thuận như lần thứ nhất, C vay thêm của T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Lần này, C không viết giấy và T không cắt tiền lãi của C.

Tháng 4/2020, C trả cho T tiền lãi 01(một) tháng của lần vay 1 là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Từ tháng 5/2020, tiền lãi của 2 lần vay nhập lại nên theo thỏa thuận mỗi tháng C phải trả T số tiền lãi là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Vào tháng 5 và 6/2020, mỗi tháng C trả cho T 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) tiền lãi. Từ tháng 7/2020 đến 10/8/2020, C không trả tiền lãi cho T nên C nợ T 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) tiền lãi. Sau nhiều lần T hỏi C tiền gốc và tiền lãi nên vào ngày 22/8/2020, C trả bớt cho T 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền lãi.Vậy số tiền lãi T đã tính và yêu cầu C trả từ 02 khoản vay trên là: 36.000.000đ (=60.000.000đ x 180% : 12 tháng x 4 tháng). Trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định là: 4.000.000đ {= (60.000.000đ x 20% : 12 tháng) x 4 tháng), còn lại số tiền 32.000.000đ (=36.000.000 đ – 4.000.000đ) là số tiền thu lợi bất chính của tháng 5,6,7,8/2020, nhưng trên thực tế C còn nợ T 8.000.000đ tiền lãi vậy số lãi bất hợp pháp giao dịch gộp của 02 khoản vay trên là: 24.000.000đ (=32.000.000đ – 8.000.000đ).

Như vậy, tổng số tiền mà T cho anh C vay T qua 02 lần giao dịch trên là: 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), tổng số tiền lãi đã mà T buộc C phải trả là: 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng), nhưng thực tế đã thu được là: 37.000.000 đồng (ba mươi bảy triệu đồng), trong đó số tiền thu lợi bất hợp phát mà T cho anh C vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 40.000.000đ (=8.000.000 đ +32.000.000đ). Hiện tại số tiền gốc 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) anh C vay của 02 giao dịch trên chưa trả cho T. Và số lãi bất chính thực tế T đã thu được bằng tiền là: 32.000.000đ (=40.000.000đ - 8.000.0000đ)

- Các giao dịch giữa Nguyễn Cảnh T với Nguyễn Doãn T, sinh ngày 06/9/1986, trú tại xóm A, xã T, huyện Đ, tỉnh N.

Vào ngày 09/3/2020, anh Nguyễn Doãn T đến quán bi-a của T tại khối 7, thị trấn Đô Lương gặp và vay T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với thỏa thuận lãi suất 3.000đ (Ba nghìn đồng)/triệu/ngày, lãi suất tính theo tháng (30 ngày), tương ứng lãi suất 108%/năm {= (3.000đ : 1000.000đ x 100%) x 30 ngày x 12 tháng)} và số lầnvượt mức lãi suất cao nhất quy định theo Bộ luật dân sự là 5,4 lần (=108% x 1 : 20%). Khi vay, theo yêu cầu của T, anh T viết giấy bán xe mang BKS 37Z4-3364 trong sổ của T (nhưng thực tế không có việc bán xe mà đây là giấy vay tiền trá hình). Ngay sau khi cho vay, T cắt lãi 01 (một) tháng đầu số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) nên anh T chỉ nhận về số tiền 9.100.000 đồng (Chín triệu một trăm nghìn đồng). Sau đó Hng tháng vào khoảng ngày mồng 09 các tháng 5,6,7,8/2020, mỗi tháng T đều trả cho T 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) tiền lãi.

Như vậy, đối với khoản vay 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) từ ngày 09/03/2020 đến ngày 23/08/2020 là 05 tháng số tiền lãi T đã thu từ anh T: 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) (=10.000.000đ x 108% : 12 tháng x 05 tháng). Trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định là: 833.333đ (tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) (= (10.000.000đ x 20% : 12 tháng) x 05 tháng), còn lại số tiền 3.666.667đ (ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng (= 4.5000.000 đ – 833.333đ) là số tiền thu lợi bất chính. Hiện tại số tiền vay gốc 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) anh T chưa trả cho T.

- Các giao dịch giữa Nguyễn Cảnh T với Phạm Thị H, sinh ngày 01/8/1970, trú tại xóm L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh N

Lần thứ nhất: Vào ngày 17/4/2020, H đến nH của T tại khối 2, TT Đô Lương gặp và vay T số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với thỏa thuận lãi suất 3.000đ (Ba nghìn đồng)/triệu/ngày, lãi suất tính theo tháng (30 ngày), tương ứng lãi suất 108%/năm{= (3.000đ : 1000.000đ x 100%) x 30 ngày x 12 tháng và số lầnvượt mức lãi suất cao nhất quy định theo Bộ luật dân sự là 5,4 lần (=108% x 1 : 20%). Khi vay, T yêu cầu chị H viết giấy nhận cọc để bán máy giặt trong sổ của T (nhưng thực tế không có việc nhận cọc tiền bán máy giặt mà đây là giấy vay tiền trá hình). Chị H vay số tiền trên nửa tháng, đến ngày 02/5/2020, chị H trả trả cho T 20.900.000đ (Hai mươi triệu, chín trăm nghìn đồng), trong đó gồm 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc và 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) tiền lãi ½ tháng.

Vậy tiền lãi hợp pháp theo quy định trong giao dịch này là: 166.667 đ (một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng) (= (20.000.000đ x 20% : 12 tháng) x ½ tháng)), còn lại số tiền 733.333 đ (bảy trăm ba mươi nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng) (= 900.000 đ – 166.667đ) là số tiền thu lợi bất chính. Hiện tại số tiền vay gốc 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) chị H đã trả cho T

Lần thứ hai: Ngày 06/5/2020, cùng cách thức và thỏa thuận như lần 1, chị H vay của T 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Ngày 06/6/2020, chị H trả cho T 32.700.000đ (Ba mươi hai triệu bản trăm nghìn đồng), trong đó gồm 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tiền gốc và 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn

đồng) tiền lãi 1 tháng. Vậy tiền lãi hợp pháp theo quy định là trong giao dịch này là: 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) (= (30.000.000đ x 20% : 12 tháng) x 01 tháng)), còn lại số tiền 2.200.000 đ(hai triệu hai trăm nghìn đồng) (= 2.700.000 đ – 500.000 đ) là số tiền thu lợi bất chính. Hiện tại số tiền vay gốc 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) chị H đã trả cho T

Lần thứ ba: Ngày 20/8/2020, cùng cách thức và thỏa thuận như lần 1, chị H vay của T 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Ngày 02/9/2020 (Sau khi T bị khởi tố và được tại ngoại), chị H đến nhà của T để trả tiền cho T nhưng T không lấy lãi của chị H nữa mà chỉ lấy số tiền gốc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Như vậy, từ ngày 17/4/2020 đến ngày 23/8/2020, T đã cho chị H vay 03 lần với tổng số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Theo quy định, T tính lãi suất 3000đ/1 triệu đồng/ 1 ngày. thì lãi suất T đã cho vay là: 108%/1 năm {= (3.000đ : 1000.000đ x 100%) x 30 ngày x 12 tháng)}. Với mức cho vay như trên thì số lần T cho vay vượt mức quy định của bộ luật dân sự là: 5,4 lần (=108% x 1 : 20%). Như vậy, đối với khoản 03 khoản trên thì số tiền lãi T đã thu từ chị H là: 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) (= 900.000đ + 2.700.000đ). Trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định là: 666.667 đ (= 166.667đ + 500.000đ), còn lại số tiền 2.933.333 đ (hai triệu chin trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng (=733.333 đ + 2.200.000 đ) là số tiền thu lợi bất chính. Hiện tại số tiền vay gốc của 03 giao dịch trên chị H đã trả cho T.

- Các giao dịch giữa Nguyễn Cảnh T với Cao Thị M, sinh ngày 02/5/1970, trú tại xóm M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh N

Lần thứ nhất: Vào ngày 27/3/2020, chị Cao Thị M đến nhà của T tại khối 2, thị trấn Đô Lương gặp vay T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với thỏa thuận lãi suất 3.000đ (Ba nghìn đồng)/triệu/ngày, lãi suất tính theo tháng (30 ngày), tương ứng lãi suất 108%/năm {= (3.000đ : 1000.000đ x 100%) x 30 ngày x 12 tháng và số lần vượt mức lãi suất cao nhất quy định theo Bộ luật dân sự là 5,4 lần (=108% x 1 : 20%). Khi vay, theo yêu cầu của T, chị M viết giấy bán xe mang BKS 37B2-463.06 trong sổ của T (nhưng thực tế không có việc mua bán xe mà đây là giấy vay tiền trá hình). Ngay sau khi cho vay, T đã thu 01 tháng đầu của M số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) nên chị M chỉ nhận về số tiền 9.100.000 đồng (Chín triệu một trăm nghìn đồng). Ngày 27/4/2020, M trả đủ cho T số tiền gốc 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Vậy tiền lãi hợp pháp theo quy định là trong giao dịch này là: 166.667 đ(một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng) (= (10.000.000đ x 20% : 12 tháng) x 01 tháng)), còn lại số tiền 733.333 đ(bảy trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng (= 900.000 đ –166.667 đ) là số tiền thu lợi bất chính. Hiện tại số tiền vay gốc 10.000.000 đồng(mười triệu đồng) chị M đã trả cho T

Lần thứ hai: Ngày 06/7/2020, cùng cách thức và thỏa thuận như lần 1, chị M vay của T số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Lần này, M viết giấy bán xe mang BKS 37D-868.68. Ngay sau khi cho vay, T thu tiền lãi 01 tháng với số tiền là: 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) nên chị M chỉ nhận về số tiền 13.650.000 đồng (Mười ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Ngày 06/8/2020, chị M trả đủ cho T số tiền gốc 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Vậy trong tổng số tiền lãi đã thu: 1.350.000 đ (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), thì tiền lãi hợp pháp theo quy định là trong giao dịch này là: 250.000 đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng) (= (15.000.000đ x 20% : 12 tháng) x 01 tháng)), còn lại số tiền 1.100.000 đ (một triệu một trăm nghìn đồng) (= 1.350.000 đ –250.000 đ) là số tiền thu lợi bất chính. Hiện tại số tiền vay gốc 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) chị M đã trả cho T

Như vậy, từ ngày 27/3/2020 đến ngày 23/8/2020, T cho chị M vay T qua 02 giao dịch với tổng số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), qua đó đã thu: 2.250.000đ (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) (= 900.000đ + 1.350.000đ) tiền lãi. Trong đó: Tiền lãi hợp pháp theo quy định là: 416.667 đ (= 166.667 đ + 250.000đ), còn lại số tiền: 1.833.333 đ (= 733.333 đ +1.100.000 đ) là số tiền thu lợi bất chính. Hiện tại tổng số tiền vay gốc 25.000.000 đồng(hai mươi lăm triệu đồng) trên chị M đã trả cho T.

Tổng cộng từ ngày 10/02/2020 đến ngày 23/8/2020, Nguyễn Cảnh T đã T qua 7 (bảy) giao dịch dân sự cho 4 cá nhân vay tổng số tiền 145.000.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng), với mức lãi suất từ 108%/năm đến 180%/năm, vượt quá 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, nhằm thu lợi bất chính số tiền 48.433.333 đồng (Bốn mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng), Trong đó, số tiền 40.433.333 đ (Bốn mươi triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng) là số tiền T đã nhận được trên thực tế. Số tiền còn lại : 8.000.0000 đ (Tám triệu đồng chẵn) là số tiền được xác nhận với nhau bằng việc còn thiếu nợ lãi giữa T và anh C, trên thực tế T chưa thu được số tiền thiếu đó

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công An huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã thu giữ gồm: 02 (hai) quyển sổ bìa da màu nâu thu giữ của Nguyễn Cảnh T được bảo quản kèm theo hồ sơ vụ án; 01 (một) giấy phép lái xe số 310142016646, mang tên Nguyễn Doãn T do Nguyễn Cảnh T giao nộp, không liên quan tới Hn vi phạm tội nên đã trả lại cho Nguyễn Doãn T.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đặng Quang C yêu cầu bị cáo Nguyễn Cảnh T trả lại toàn bộ số lợi bất chính mà bị cáo này đã thu được của anh C; Bị cáo đã trả lại số tiền thu lợi bất chính cho chị Cao Thị M, chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Doãn T nên không ai có thêm yêu cầu gì.

Bản cáo trạng số 106/CT-VKS-ĐL ngày 06/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Nguyễn Cảnh T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Cảnh T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: - Truy thu sung quỹ nhà nước tổng số tiền gốc bị cáo đã cho bốn

người vay là 145.000.000 đồng, trong đó bị cáo mới nhận được tiền gốc 75.000.000 đồng do chị Phạm Thị H và chị Cao Thị M trả nợ gốc. Đối với số tiền 50.000.000 đồng bị cáo cho chị H vay lần thứ ba chưa phát sinh lãi suất vượt quá 20% năm nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Cho nên phải truy thu tại bị cáo tiền gốc cho vay là 75.000.000 đồng; truy thu tại anh Đặng Quang C số tiền là 60.000.000 đồng; truy thu tại anh Nguyễn Doãn T số tiền 10.000.000 đồng.

- Truy thu sung quỹ nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Cảnh T toàn bộ số tiền lãi tương ứng với lãi xuất 20/%/năm đã thu của bốn người với tổng số tiền là 5.916.667 đồng (Năm triệu chín trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đối với anh Nguyễn Doãn T, chị Phạm Thị H, chị Cao Thị M, bị cáo đã trả lại khoản thu lợi bất chính, hiện những người này không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét. Áp dung Điều 468 Bộ luật dân sự; tuyên buộc bị cáo phải hoàn trả lại số tiền thu lại bất hợp pháp cho anh Đặng Quang C 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng).

Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Đô Lương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng khác của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên toà, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố là đúng. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với kết luận giám định và các chứng cứ khác đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên toà. Như vậy, có cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 10/02/2020 đến ngày 23/08/2020, Nguyễn Cảnh T thông qua 8 giao dịch dân sự đã cho 4 cá nhân gồm anh Đặng Quang C, chị Cao Thị M, chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Doãn T vay với tổng số tiền 145.000.000 đồng với mức lãi suất từ 108%/năm đến 180%/năm, vượt quá 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, nhằm thu lợi bất chính số tiền là: 40.433.333 đồng (*Bốn mươi triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba*).

Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu tHnh tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự như bản cáo trạng truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là ít nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm không lớn cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý tài chính của Nhà nước. Trong tình hình hiện nay, hoạt động tín dụng đen đang bùng phát, làm rối loạn trong thị trường tài chính, gây mất ổn định xã hội và tạo ra

những hậu quả khó lường cho người vay lẫn người cho vay. Do vậy, cần kịp thời đưa ra xét xử và lên một mức án tương xứng với tính chất Hnh vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần vì quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần này là lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trong, bị cáo đầu thú, là cháu của bà mẹ Việt Nam anh hùng (là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự). Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy xử bị cáo ở mức cải tạo không giam giữ như đề nghị của đại diện VKS là đủ nghiêm và thể hiện sự khoan hồng pháp luật.

Về khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo: Theo các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và quá trình thẩm vấn tại phiên tòa thì các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Đối với loại tội này ngoài hình phạt chính còn có hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng xét bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: 02 (hai) quyển sổ bìa da màu nâu thu giữ của Nguyễn Cảnh T là ghi chép việc vay tiền, chuyển tiền trong việc cho vay lãi nặng là vật lưu giữ các số liệu có giá trị chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, cần tiếp tục lưu kèm hồ sơ vụ án.

Số tiền gốc 145.000.000 đồng là phương tiện phạm tội và số tiền lãi trong hạn mức 20%/năm là lợi tức phát sinh từ phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Bị cáo T đã thu hồi được 75.000.000 đồng tiền gốc và hưởng lợi tiền lãi 5.916.667 đồng phát sinh từ tiền gốc nên cần phải truy thu để sung quỹ nhà nước. Đối với số tiền 50.000.000 đồng bị cáo cho chị H vay lần thứ ba chưa phát sinh lãi suất vượt quá 20% năm nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Theo các tài liệu phản ánh tại hồ sơ thì anh C, anh T thừa nhận chưa trả hết tiền gốc cho bị cáo. Vì vậy, cần truy thu số tiền gốc từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang sở hữu để sung quỹ nhà nước, gồm: anh Đặng Quang C 60.000.000 đồng; anh Nguyễn Doãn T 10.000.000 đồng;

* Về trách nhiệm dân sự: Về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đối với anh Nguyễn Doãn T, chị Phạm Thị H, chị Cao Thị M, bị cáo đã trả lại khoản thu lợi bất chính, hiện những người này không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét. Áp dung Điều 468 Bộ luật dân sự; tuyên buộc bị cáo phải hoàn trả lại số tiền thu lại bất hợp pháp cho anh Đặng Quang C 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng).

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Cảnh T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cảnh T 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ (nhưng được trừ khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 23/8/2020 đến ngày

01/9/2020 là 9 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Trường hợp người bị cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cồng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

- Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Truy thu tiền để sung vào ngân sách nhà nước:

Từ bị cáo T số tiền *80.916.667 đồng (Một trăm bốn mươi triệu chín trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)* (gồm 75.000.000 đồng tiền gốc sử dụng vào mục đích cho vay lãi nặng và tiền lợi tức phát sinh từ tiền gốc cho vay 5.916.667 đồng).

Từ anh Đặng Quang C số tiền gốc 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Từ anh Nguyễn Doãn T số tiền gốc 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Về vật chứng: 02 (hai) quyển sổ bìa da màu nâu thu giữ của Nguyễn Cảnh T là ghi chép việc vay tiền, chuyển tiền trong việc cho vay lãi nặng là vật lưu giữ các số liệu có giá trị chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, cần tiếp tục lưu kèm hồ sơ vụ án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 468 Bộ luật dân sự;

Tuyên buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho anh Đặng Quang C 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án HSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- VKS,THADS huyện Đô Lương;
- Công an huyện Đô Lương;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND nơi bị cáo cư trú (để biết);
- Lưu HS.

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồ Hòa